

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-TTg, ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 137/TTr-SNN&PTNT ngày 23/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã và thành phố tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã và thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT. UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu: VT, 4.01.05.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg, ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg, ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030”,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh với các nội dung sau:

I. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU NÔNG SẢN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

1. Kết quả xuất khẩu nông sản

Trong giai đoạn 2015-2020, kim ngạch xuất khẩu ngành nông nghiệp tăng dần qua các năm từ 30,58 triệu USD vào năm 2015 lên 64,61 triệu USD vào năm 2019. Tuy nhiên, đến năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên kim ngạch xuất khẩu giảm còn 29,37 triệu USD; vì vậy, đánh giá cả giai đoạn xuất khẩu giảm so với đầu kỳ (tăng trưởng xuất khẩu nông sản bình quân giai đoạn 2015 - 2020 là -0,8%/năm).

DVT: triệu USD

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
	Tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản, thủy sản	30,58	25,84	35,04	46,94	64,61	29,37	-0,8%
1	Hàng nông sản	27,48	23,52	20,49	21,18	36,89	25,65	-1,37%
2	Hàng thủy sản	3,10	2,32	14,55	25,76	27,72	3,72	3,71%

2. Sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực

a. Sản phẩm và giá trị xuất khẩu

Trong nhóm các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của tỉnh Vĩnh Long, mặt hàng rau quả có mức tăng trưởng ổn định do các doanh nghiệp không ngừng tìm kiếm, phát triển thị trường mới; Riêng đối với mặt hàng gạo, trứng muối có mức tăng trưởng âm do có sự cạnh tranh với các doanh nghiệp khác và tiêu chuẩn nhập khẩu của các mặt hàng này về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc được nâng cao.

TT	Mặt hàng	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1	Gạo	17,25	6,03	4,24	8,81	27,53	9,12	-11,97%
2	Thủy sản	3,10	2,32	14,55	25,77	27,72	3,72	3,71%
3	Hàng rau quả	10,23	17,49	16,25	12,38	9,36	16,53	10,07%
4	Trứng vịt muối	1,56	0,49	0,26	0,17	-	-	

b. Thị trường xuất khẩu

Về lúa gạo, tỉnh chỉ còn 03 công ty đang kinh doanh xuất khẩu; thị trường xuất khẩu chủ yếu là Philippin và Châu Phi.

Thủy sản chủ yếu là mặt hàng cá tra phi lê đông lạnh được xuất sang thị trường Trung Quốc, một số ít sang thị trường Hoa Kỳ.

Rau quả tỉnh Vĩnh Long thời gian qua, nhất là trái cây có chất lượng và sản lượng khá lớn như khoai lang, cam Sành, bưởi, chôm chôm, nhãn, thanh long,... đã được xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Trung Quốc, một số ít rau quả chế biến xuất sang thị trường Hoa Kỳ, châu Âu,... Trong đó, đáng ghi nhận là năm 2019, tỉnh Vĩnh Long được xuất khẩu được lô xoài đầu tiên vào Hoa Kỳ.

Các loại nông sản chế biến được xuất khẩu đi khá nhiều ở thị trường Hoa Kỳ 40%, Châu Á trên 35%, Châu Âu 20%. Trong đó, sản phẩm truyền thống là lúa gạo, sản phẩm có tiềm năng phục hồi xuất khẩu là cá tra; sản phẩm đang có mức tăng trưởng ổn định thời gian gần đây là khoai lang và trái cây (thuộc nhóm hàng rau củ quả) và một số rau quả chế biến (đóng hộp) của Công ty Quốc Thảo.

Tuy nhiên, việc xuất khẩu trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, chủ yếu được xuất khẩu ủy thác hoặc qua đường tiểu ngạch, hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm chưa chuyên nghiệp, thiếu các doanh nghiệp lớn tham gia vào quá trình sản xuất và xuất khẩu nông sản; hệ thống thông tin thị trường còn hạn chế; thiếu tính ổn định về sản lượng và giá, do đó thiếu tính bền vững trong phát triển.

3. Đánh giá chung về hoạt động xuất khẩu nông sản của tỉnh

Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện cho các mặt hàng chủ lực của tỉnh như nông sản, thủy sản, mở ra được nhiều thị trường xuất khẩu mới, khai thác tốt hơn những thị trường đang có. Tuy nhiên, xuất khẩu nông sản của tỉnh hiện nay phải đối mặt với nhiều thách thức như sự cạnh tranh gay gắt từ sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực và thế giới như: Thái Lan, Campuchia, Ấn Độ, Pakistan,...; các rào cản kỹ thuật từ các thị trường nhập khẩu - đây là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất - giải quyết được vấn đề này sẽ mở ra được nhiều thị trường mới cho nông sản của tỉnh.

Trong khi đó: nhận thức của nông dân, doanh nghiệp về yêu cầu chất lượng của các thị trường chưa đầy đủ; sản xuất chưa đảm bảo các yêu cầu chất lượng nông sản xuất khẩu; công tác xây dựng mã số vùng trồng còn chậm; nhiều cơ sở sản xuất, doanh nghiệp chưa quan tâm xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc nông sản; hệ thống cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, hoạt động xúc tiến chưa có nhiều

bức phá; kim ngạch xuất khẩu có xu hướng tăng chậm qua các năm, thiếu doanh nghiệp dẫn dắt thị trường;...

Vì vậy, để khai thác hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nông sản, tăng xuất khẩu chính ngạch cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

2.1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 và các văn bản có liên quan đến xuất khẩu nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Khai thác hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nhu cầu đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu chính ngạch các sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực của tỉnh nhằm gia tăng giá trị sản phẩm; phấn đấu đạt được các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ XI đã đề ra, phù hợp chủ trương của Đảng về xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay nhằm giúp các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, HTX, các thành phần kinh tế (gọi tắt là doanh nghiệp) vượt qua khó khăn, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa. Phân công rõ trách nhiệm cho các Sở, ban, ngành, địa phương để chủ động triển khai và kiểm tra đánh giá việc tổ chức thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu của tỉnh trong thời gian tới.

III. MỤC TIÊU

3.1 Mục tiêu chung

- Phát triển sản xuất, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu, đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo môi trường, nâng cao khả năng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như đáp ứng các quy định của quốc tế và thị trường nhập khẩu. Qua đó, góp phần chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; nâng cao thu nhập cho người sản xuất.

- Làm căn cứ để các cấp, các ngành tập trung tổ chức chỉ đạo sản xuất, xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm, mã vùng trồng, hệ thống nhận diện (tem, nhãn, mác, bao bì...), truy xuất nguồn gốc... đảm bảo các điều kiện xuất khẩu và tiêu thụ nông sản an toàn trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, đồng bộ.

- Khuyến khích, huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế theo hướng xã hội hóa và đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài góp phần phát triển sản xuất, thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản tỉnh nhà nói riêng và cả nước nói chung.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu nông sản của tỉnh tăng bình quân từ 6- 8%/năm; góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu hàng hóa toàn tỉnh hàng năm tăng 8-10%/năm; đạt

870 triệu USD vào năm 2025¹, và 1,3 tỷ USD vào năm 2030.

- Phấn đấu đến 2025, có 50% sản phẩm nông lâm thủy sản xuất khẩu của tỉnh truy xuất được nguồn gốc và 50% giá trị xuất khẩu các sản phẩm nông lâm thủy sản là qua chế biến và chế biến sâu; đến 2030 có 70% sản phẩm xuất khẩu truy xuất được nguồn gốc, khoảng 60% giá trị xuất khẩu các sản phẩm Nông lâm thủy sản là qua chế biến và chế biến sâu². Trong đó, tập trung phát triển 4 đối tượng: lúa gạo chất lượng cao, cá tra, khoai lang tím và cây ăn trái có diện tích lớn (bưởi, xoài, dứa, sầu riêng, nhãn, chôm chôm, thanh long...)

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

4.1. Về thông tin, tuyên truyền

- Các ngành, các cấp, các đoàn thể tuyên truyền, lồng ghép tuyên truyền về các nội dung liên quan xuất khẩu nông sản, nhất là các quy định cụ thể về tiêu chuẩn sản xuất để đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu chính ngạch, thông tin vùng trồng, cơ sở đóng gói,... đến doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã và nông dân qua hệ thống các phương tiện thông tin, đại chúng, internet, các cuộc hội thảo, tập huấn,...

- Thực hiện các hoạt động quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông sản, thủy sản, sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy sản, sản phẩm OCOP đến người tiêu dùng trong và ngoài nước.

4.2. Về cơ chế, chính sách

Thực hiện tốt những chính sách của Trung ương và tỉnh về khuyến khích liên kết sản xuất, vay vốn ưu đãi, khuyến nông,... Đồng thời, nghiên cứu, đề xuất những chính sách mới nhằm khuyến khích phát triển sản xuất bền vững các mặt hàng nông sản thế mạnh của tỉnh như:

- Rà soát, đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh chính sách hỗ trợ hộ, cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp áp dụng bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng... nhằm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Rà soát, bổ sung vào chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 và các văn bản điều chỉnh, sửa đổi có liên quan của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tập trung đất đai, phát triển sản xuất hàng hóa nông sản theo quy mô lớn nhằm khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún.

- Rà soát, đề xuất bổ sung chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện liên kết sản xuất - tiêu thụ.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ và khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác và liên kết sản xuất và tiêu thụ theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 220/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp,

¹ Chỉ tiêu theo Quyết định 3385/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Long về ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2021-2025 đạt chỉ tiêu đến 2025: 870 triệu USD. Đề xuất chỉ tiêu đến 2030 tăng 1,5 lần so với năm 2025 ~1,3 tỷ USD. Theo NGTK 2020, tổng xuất khẩu của tỉnh 570,5 triệu USD; trong đó, nông sản 25,6 triệu USD, thủy sản 3,7 triệu USD.

² Chỉ tiêu theo Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

góp phần thúc đẩy xuất khẩu nông sản.

4.3. Nâng cao chất lượng nông sản đáp ứng tiêu chí an toàn thực phẩm, phát triển thị trường nông sản

- *Phát triển các sản phẩm chủ lực*: định hướng, hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp phát triển sản phẩm chủ lực có thị trường xuất khẩu, có tiềm năng xuất khẩu theo danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia theo Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia³; danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long⁴ và nhu cầu thị trường phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

- Từng bước chuyển đổi sản xuất nông sản theo hướng chất lượng, giá trị gia tăng cao theo chuỗi bền vững, từng bước hạn chế chạy theo số lượng và xuất khẩu thô đối với các nông sản chủ lực. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), truy xuất nguồn gốc trong nuôi trồng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong chế biến nhằm tăng cường quản lý chất lượng và an toàn sản phẩm NLTS xuất khẩu từ khâu nuôi trồng đến thu hoạch, vận chuyển, chế biến, xuất khẩu.

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững dựa trên tiềm năng và lợi thế so sánh, ứng dụng công nghệ cao, tập trung phát triển các sản phẩm có chất lượng, lợi thế; phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường liên kết 06 nhà: nhà nông - nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà băng - nhà khoa học - nhà phân phối với nòng cốt là liên kết nhà nông - nhà doanh nghiệp; tiếp tục xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến và phân phối nông sản, tham gia hiệu quả vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu.

- Đầu tư hiện đại hóa và đa dạng hóa các loại hình chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản, tăng giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh của sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản có thể mạnh của tỉnh.

- Xây dựng các chương trình, dự án và thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước để đẩy nhanh tốc độ phát triển vùng nguyên liệu tại chỗ. Ưu tiên đầu tư để tạo điều kiện cho sản xuất hướng đến mục tiêu năng suất, chất lượng, hiệu quả và có giá trị gia tăng cao.

- Khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác gắn với hình thành vùng sản xuất quy mô lớn, các thương hiệu nông sản chủ lực, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ. Đồng thời, tập trung nghiên cứu đề xuất thực hiện một số chương trình, dự án khoa học và công nghệ cao, công nghệ 4.0, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong toàn bộ chuỗi giá trị của từng loại sản phẩm nông sản nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm; trong đó đặc biệt chú trọng tăng cường áp dụng máy móc hiện đại trong sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản.

4.4. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Phát triển các vùng sản xuất tập trung cho các sản phẩm chủ lực phục vụ xuất

³ Danh mục gồm 13 sản phẩm: Gạo, Cà phê, Cao su, Điều, Hồ tiêu, Chè, Rau, quả, Sắn và sản phẩm từ sắn, Thịt lợn, Thịt và trứng gia cầm, Cá tra, Tôm, Gõ và sản phẩm từ gỗ.

⁴ Cây lúa, khoai lang, cây có mùi (bưởi Năm Roi, bưởi Da xanh, cam Sành); Heo, bò; cá (cá tra, rô phi).

khẩu gắn với cấp mã số vùng trồng; đối với những sản phẩm đã được xuất khẩu qua đường chính ngạch thì tiếp tục quản lý mã số vùng trồng đã được cấp, giám sát việc tuân thủ quy định về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm để đảm bảo tính bền vững của việc cấp mã số vùng trồng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trong xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc nông sản, áp dụng quy trình sản xuất an toàn thực phẩm để đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu và các sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm khai thác lợi ích, tính năng cao mà công nghệ thông tin mang lại.

- Đẩy mạnh công tác thu thập, phân tích, dự báo, cung cấp thông tin tình hình thị trường trong nước và thế giới phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp thông qua hệ thống thương mại điện tử.

4.5. Thu hút doanh nghiệp đầu tư

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo môi trường đầu tư và cạnh tranh thuận lợi, bình đẳng và minh bạch để các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn lực và thị trường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; đào tạo quản trị doanh nghiệp, kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu lương thực của tỉnh, hợp tác xã, tổ hợp tác, về công nghệ, quy trình sản xuất, chế biến, đào tạo, xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, tổ chức liên kết với các thương nhân, doanh nghiệp, cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh để hình thành hệ thống thu mua lương thực ổn định phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu, thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh lương thực.

- Thu hút và ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở sơ, chế biến nông sản, đầu tư trang thiết bị công nghệ hiện đại, kho chứa, kho lạnh dự trữ nông sản, các dịch vụ logistics nông sản nhằm gia tăng giá trị sản xuất, đồng thời, mời gọi những doanh nghiệp mới, đủ năng lực, nội lực, có đủ tiêu chuẩn tham gia, hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị trên cây ăn trái cũng như xuất khẩu chính ngạch sản phẩm trái cây đặc sản của tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng nhà máy chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

5.1. Kinh phí được huy động chủ yếu từ nông dân, doanh nghiệp, các hình thức hợp tác công tư; kinh phí lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, đề án và vốn ngân sách Nhà nước được phân bổ hàng năm cho các địa phương, đơn vị.

5.2. Hàng năm, các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phân công cụ thể tại Kế hoạch này lập dự toán chi tiết trình cấp thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, huyện, thành phố có liên quan triển khai thực hiện các chương trình phát triển ngành, sản phẩm; chương trình phát triển nông nghiệp chất lượng cao đạt các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, GAP và tương đương nhằm tạo nguồn hàng nguyên liệu phong phú, các sản phẩm có giá trị và

lợi thế cạnh tranh để phục vụ xuất khẩu; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về chất lượng, an toàn vệ sinh trong nông nghiệp từ khâu nguyên liệu - bảo quản - tiêu thụ; hỗ trợ các hoạt động liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản; hỗ trợ xây dựng mã số vùng trồng nông sản, xây dựng vùng sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung.

Tổ chức thực hiện cung cấp thông tin thị trường nông sản; thông tin giới thiệu các quy định về các thị trường nhập khẩu nông sản. Đẩy mạnh tuyên truyền cho nông dân, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hiểu rõ giá trị việc thực hiện sản xuất đúng quy trình nông nghiệp sạch, phù hợp quy chuẩn quốc tế; đồng thời kiên quyết ngăn chặn tình trạng lạm dụng các hóa chất dẫn đến vượt quá mức quy định tồn dư trong sản phẩm xuất khẩu.

Chịu trách nhiệm tổng hợp, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

6.2. Sở Công Thương

Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Chương trình xúc tiến thương mại; hỗ trợ các doanh nghiệp theo Chương trình khuyến công quốc gia và địa phương trong đầu tư máy móc, thiết bị mở rộng sản xuất, xuất khẩu; Thông tin thị trường và dự báo thương mại quốc tế liên quan đến nông sản. Triển khai thực hiện Đề án tổ chức hệ thống tiêu thụ nông sản - thủy sản gắn với cơ cấu lại nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng thương hiệu, ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để tăng cường quảng bá sản phẩm, giảm chi phí trong giao dịch, hạ giá thành sản phẩm.

6.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, cân đối, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu; Đồng thời, triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành chức năng có liên quan xây dựng danh mục và tham mưu UBND tỉnh thực hiện mời gọi các nhà đầu tư có tiềm lực trong và ngoài nước đầu tư sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu.

6.4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án phục vụ xuất khẩu; các chương trình xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường xuất khẩu, quảng bá về ngành hàng, tham gia hội chợ nước ngoài, ứng dụng thương mại điện tử...

6.5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp các ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất và đặt hàng các các đề tài, dự án khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, bảo quản và chế biến các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và xây dựng thương hiệu cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ hộ, cơ sở sản xuất, hợp tác xã áp dụng bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc nông sản; Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

6.6. Hội Nông dân tỉnh

Tích cực tuyên truyền, vận động và hướng dẫn nông dân thực hiện sản xuất

theo hướng nông nghiệp sạch, an toàn thực phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của các nhà nhập khẩu.

Chủ động hội hợp với ngành nông nghiệp cùng các tổ chức chính trị - xã hội tiến hành vận động, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người dân tích cực tham gia vào các tổ chức kinh tế hợp tác, các câu lạc bộ và các hoạt động khuyến nông cũng như tích cực và chủ động chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, ngư nghiệp theo định hướng chung của quy hoạch được phê duyệt.

6.7. Các Sở, ngành có liên quan

Các Sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại phụ lục kèm theo Kế hoạch có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện, lồng ghép thực hiện, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ, đề án cụ thể thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình. Định kỳ hàng năm tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

6.8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ động triển khai thực hiện quy hoạch và phát triển vùng nuôi trồng các đối tượng nông sản chủ lực và có tiềm năng phục vụ xuất khẩu tại địa phương. Chủ động chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể tại địa phương tích cực tuyên truyền vận động nông dân tự nguyện tham gia các hình thức hợp tác liên kết; tạo mọi điều kiện liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp.

- Phối hợp với các Sở, ngành chức năng có liên quan đề xuất cơ chế, chính sách và tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu, kịp thời nắm bắt tình hình và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người sản xuất và các doanh nghiệp.

- Phối hợp với các sở ngành triển khai hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp cho các hộ nông dân, HTX, doanh nghiệp trên địa bàn xã. Kêu gọi các nguồn lực đầu tư vào các khâu xây dựng vùng nguyên liệu, sơ chế và bảo quản nông sản đảm bảo yêu cầu của các nước nhập khẩu.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 của tỉnh Vĩnh Long./.

PHỤ LỤC
BIỂU CHI TIẾT NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU
NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1. Công tác tuyên truyền, quán triệt				
1.1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung và kết quả triển khai thực hiện Quyết định 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 và các văn bản có liên quan	Các Sở, ngành và địa phương		Thường xuyên
1.2	Tăng cường cung cấp thông tin thị trường, dự báo thương mại, các quy định của thị trường nhập khẩu để định hướng sản xuất; các quy định khi xảy ra tranh chấp thương mại	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công Thương	Các Sở, ngành và địa phương	Thường xuyên
2. Cơ chế, chính sách				
2.1	Rà soát, đề xuất bổ sung chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách trên địa bàn	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Liên minh HTX tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện	2021
2.2	Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ và khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác và liên kết sản xuất và tiêu thụ theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 220/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND các huyện	2021-2030
2.3	Rà soát, đề xuất trình Hội đồng nhân dân chính sách hỗ trợ hộ, cơ sở sản xuất, hợp tác xã áp dụng bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng... nhằm xây dựng thương hiệu, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện	2021-2025
2.4	Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 và các văn bản bổ sung, sửa đổi có liên quan của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.	Các sở, ngành, UBND các huyện	Các sở, ngành, UBND các huyện	Thường xuyên
3. Nâng cao chất lượng nông sản đáp ứng tiêu chí an toàn thực phẩm, phát triển thị trường nông sản và chuyển đổi số trong NN				
3.1	Triển khai thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 các chương trình này phải tập trung vào sản xuất GAP	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND các huyện	2021-2025

	hoặc trên GAP để quản lý chất lượng nông sản, xây dựng mã số vùng trồng, gắn với liên kết sơ chế, chế biến và tiêu thụ			
3.2	Triển khai thực hiện Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thông tin giá cả thị trường, xuất nhập khẩu nông sản, thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND các huyện	2021-2025
3.3	Xây dựng vùng sản xuất tập trung, hỗ trợ cấp mã số vùng trồng và giám sát việc tuân thủ quy định về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm tại các vùng trồng đã được cấp mã số vùng trồng.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3.4	Củng cố các Hợp tác xã đã liên kết với Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu triển khai mô hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, xây dựng chuỗi giá trị nông sản nhằm đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc sản phẩm của nhà nhập khẩu.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3.5	Triển khai thực hiện Đề án tổ chức hệ thống tiêu thụ nông - thủy sản gắn với tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Sở Công thương	Các sở, ngành, UBND các huyện	2021-2025
3.6	Tham mưu đề xuất thực hiện một số chương trình, dự án khoa học và công nghệ cao, công nghệ 4.0, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong toàn bộ chuỗi giá trị của từng loại sản phẩm nông sản nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3.7	Triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản mới có năng suất, chất lượng cao thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3.8	Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trong xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, nhãn hàng hóa cho sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3.9	Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm khai thác lợi ích, tính năng cao mà công nghệ thông tin mang lại.	Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành và địa phương	Hàng năm
4	Thu hút doanh nghiệp			
4.1	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu tạo điều kiện để củng cố và tiếp tục mở rộng vùng trồng, đầu tư thiết bị công nghệ cho chế biến.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	2021-2030
4.2	Xây dựng danh mục dự án thu hút, mời gọi đầu tư vào lĩnh vực sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	2021-2030